

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2023/HS-ST

Ngày: 26-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Thanh Nhàn;
- Ông Lê Văn Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023, đối với bị cáo:

Đặng Đ, sinh năm 1991 tại S, Hà Tĩnh; hộ khẩu thường trú: T, xã A, huyện S, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Minh Hiếu (đã chết) và bà Đinh L, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/3/2018 và đã chấp hành xong án phí; ngày 04/12/2022, bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã C cho đến nay; bị cáo có mặt.

Bị hại:

- Bà Nguyễn P, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Ông Nguyễn N, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn H, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Đ là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và sống không nơi cư trú nhất định tại khu công nghiệp T, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, từ ngày 28/11/2022 đến 04/12/2022, Đ đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 06 giờ ngày 28/11/2022, Đ đón xe khách đi từ khu công nghiệp T, thành phố A đến khu vực Bệnh viện đa khoa P thuộc khu phố 3, phường P, thị xã C để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, Đ phát hiện xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61G1-563.21 của bà Nguyễn P dựng phía trước nhà số C2-47 cạnh đường DB8 thuộc khu phố 3, phường P, thị xã C nên Đ lén lút đi vào ngồi lên xe mô tô khởi động máy điều khiển chạy về khu vực thành phố A. Sau đó, Đ sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo F7 của mình quay lại hình ảnh xe mô tô biển số 61G1-563.21 và gửi cho bạn tên B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hỏi địa điểm bán xe. Khoảng 13 giờ ngày 29/11/2022, Đ và B điều khiển xe mô tô biển số 61G1-563.21 chở nhau đến khu vực cầu L thuộc thành phố A bán cho một người đàn ông tên T (chưa rõ nhân thân lai lịch) được số tiền 5.000.000 đồng. Tiền có được, Đ tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 03/12/2022, Đ và B gặp nhau tại khu vực chợ Xóm Vắng, khu công nghiệp T, thành phố A. Đ rủ B đi đến khu công nghiệp P, thị xã C để trộm cắp xe mô tô đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khi đi, Đ mang theo 02 đầu đoạn, 01 cây kim loại chữ T và 01 đoạn kim loại 02 đầu vuông dùng để mở khóa xe. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ và B đi xe khách từ khu công nghiệp T đến khu vực Bệnh viện Đa khoa P, rồi xuống xe đi bộ ở các tuyến đường xung quanh khu vực bệnh viện tìm xe mô tô để bẻ khóa lấy trộm. Đến khoảng 07 giờ ngày 04/12/2022, Đ và B vào quán cà phê V, cạnh đường DB13-NB16 thuộc khu phố 3, phường P, thị xã C ngồi uống nước và quan sát xem có khách đến uống nước để xe mô tô phía trước quán sẽ lấy trộm. Khoảng 09 giờ cùng ngày, B ngồi trong quán cảnh giới, còn Đ đi ra phía trước quán thì phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xanh – bạc, biển số 72G1-389.66 của anh Nguyễn N dựng ở vị trí khuất tầm nhìn của khách nên Đ đi lại ngồi lên xe mô tô 72G1-389.66, vừa dùng cây đoạn mang theo bẻ khóa, vừa dùng chân đẩy lùi xe xuống đường NB16 dự định khởi động máy điều khiển xe bỏ chạy. Tuy nhiên, khi Đ vừa bẻ khóa xe xong thì thiết bị chống trộm gắn trong xe kêu lên nên Đ bỏ xe chạy bộ được khoảng 100 mét thì bị anh Nh và anh Lê L đuổi

theo bắt giữ được và giao Đ cho Công an phường P. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xanh – bạc, biển số 72G1-389.66; 01 đoạn kim loại màu vàng dài 5cm, 02 đầu có gắn nam châm, ở giữa quần băng keo đen; 01 đoạn kim loại màu đen dài 7,5cm, 01 đầu hình trụ quần băng keo đen, 01 đầu mài đẹp; 01 đoạn kim loại màu nâu dài 7,3cm, 01 đầu hình trụ lục giác, 01 đầu mài đẹp; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đỏ; 01 USB chứa 02 đoạn video ghi lại hình ảnh Đặng Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 28/11/2022 và ngày 04/12/2022.

Theo Kết luận định giá tài sản số 147/KL-HĐĐGTS ngày 07/12/2022 và số 02/KL-HĐĐGTS ngày 04/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 72G1-389.66 trị giá 9.330.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61G1-563.21 trị giá 21.370.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 07/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C xử lý vật chứng giao trả xe mô tô biển số 72G1-389.66 cho anh Nguyễn N.

Tại bản Cáo trạng số 141/CT-VKSBC ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố: Bị cáo Đặng Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật như Cáo trạng số 141/CT-VKSBC ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Đặng Đ mức án tù từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc bị cáo Đặng Đ có trách nhiệm bồi thường cho thường cho bị hại bà Nguyễn P giá trị xe mô tô biển số 61G1 – 563.21 mà bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 21.370.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn kim loại màu vàng dài 5cm, 02 đầu có gắn nam châm, ở giữa quần băng keo đen; 01 đoạn kim loại màu đen dài 7,5cm, 01

đầu hình trụ quần băng keo đen, 01 đầu mài đẹp và 01 đoạn kim loại màu nâu dài 7,3cm, 01 đầu hình trụ lục giác, 01 đầu mài đẹp.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ (máy bị vỡ màn hình, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của kiểm sát viên.

Bị hại bà P đề nghị bị cáo Đ phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 61G1 – 563.21 mà bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 21.370.000 đồng.

Lời sau cùng của bị cáo: Bị cáo Đặng Đ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 28/11/2022 đến 04/12/2022, tại khu vực Bệnh viện đa khoa P thuộc khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương, Đặng Đ đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 30.700.000 đồng, lần thứ nhất vào ngày 28/11/2022, bị cáo lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61G1-563.21 trị giá 21.370.000 đồng của bị hại Nguyễn P và lần thứ hai ngày 04/12/2022, bị cáo lấy trộm xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 72G1-389.66 trị giá 9.330.000 đồng của bị hại Nguyễn N. Hành vi trên của bị cáo Đặng Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đặng Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người,

đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tính chất: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự B vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo có sức khỏe tốt nhưng không dùng sức khỏe của mình để lao động nuôi bản thân mà vì lòng tham, muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài mà đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải xét xử bị cáo thật nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toàn ngày hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[4.1] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015: Bị cáo Đặng Đ có trách nhiệm bồi thường cho thường cho bị hại bà Nguyễn P giá trị xe mô tô biển số 61G1 – 563.21 mà bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 21.370.000 đồng.

[4.2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn kim loại màu vàng dài 5cm, 02 dây có gắn nam châm, ở giữa quần băng keo đen; 01 đoạn kim loại màu đen dài 7,5cm, 01 đầu hình trụ quần băng keo đen, 01 đầu mài đẹp và 01 đoạn kim loại màu nâu dài 7,3cm, 01 đầu hình trụ lục giác, 01 đầu mài đẹp.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ (máy bị vỡ màn hình, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

[5] Đối với đối tượng tên B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với bị cáo Đặng Đ, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý sau.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Đặng Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Đặng Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015: Bị cáo Đặng Đ có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại bà Nguyễn P giá trị xe mô tô biển số 61G1 – 563.21 mà bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 21.370.000đ (hai mươi một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn kim loại màu vàng dài 5cm, 02 dây có gắn nam châm, ở giữa quấn băng keo đen; 01 đoạn kim loại màu đen dài 7,5cm, 01 đầu hình trụ quấn băng keo đen, 01 đầu mài đẹp và 01 đoạn kim loại màu nâu dài 7,3cm, 01 đầu hình trụ lục giác, 01 đầu mài đẹp.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ (máy bị vỡ màn hình, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa Công an thị xã C, tỉnh Bình Dương với Chi cục Thi hành án thị xã C, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.068.500đ (một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS C;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an thị xã C;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Hoa